

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 26; 35; 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 147 BLTTDS năm 2015; Điều 6, 19, 24, 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 22 tháng 11 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 88/2018/TLST - DS ngày 30 tháng 07 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị T – Sinh năm: 1990.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Đại Ngọc M - Sinh năm: 1987.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Khu phố L, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*** Về phần tài sản:** Chị Hà Thị T và anh Đại Ngọc M đều có ý kiến chung cùng thống nhất thỏa thuận chia tài sản chung là diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 047476, diện tích là 583,4 m² mang tên ông Đại Ngọc M và bà Hà Thị T tại thửa đất số 176, tờ bản đồ số 8 - Bản đồ địa chính thị trấn Y tại địa chỉ: thôn L, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Chị Hà Thị T được chia diện tích đất là 229,1m², chiều rộng 5m (tính theo mặt đường Hồ Chí Minh); chiều dài là 46,28m (từ chỉ giới hành lang ATGT tiến

sâu hết phần đất của gia đình). Trong đó: đất ở có diện tích là $50m^2$ tương đương giá trị là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng); còn lại là đất trồng cây hàng năm khác có diện tích là $179,1 m^2$, có giá trị là 5.373.000 đồng (năm triệu ba bảy ba nghìn đồng). Tổng giá trị chi Hà Thị T được chia là 105.373.000 đồng (một trăm lẻ năm triệu ba trăm bảy ba nghìn đồng). Vị trí đất tiếp giáp, như sau: phía Nam giáp hộ ông Đại Ngọc M (chiều dài là 46,28m), phía Bắc giáp với phần đất nhà ông Phùng Đình L (chiều dài là 45,85m), phía Đông giáp với đường Hồ Chí Minh (chiều rộng là 5m), phía Tây giáp ao cá của hộ anh Đại Ngọc S (chiều rộng là 5m); thửa đất tại địa chỉ khu phố L, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Anh Đại Ngọc M được chia diện tích đất là $354,3m^2$, chiều rộng 7,62m (tính theo mặt đường Hồ Chí Minh); chiều dài là 46,76m (từ chỉ giới hành lang ATGT tiến sâu hết phần đất của gia đình). Trong đó: đất ở có diện tích là $80m^2$ tương đương giá trị là 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng); còn lại là đất trồng cây hàng năm khác có diện tích là $274,3m^2$, có giá trị là 8.229.000 đồng (tám triệu hai trăm hai chín nghìn đồng). Tổng giá trị tài sản anh Đại Ngọc M được quyền sử dụng là 168.229.000 đồng (một trăm sáu mươi tám triệu hai trăm hai chín nghìn đồng). Vị trí đất tiếp giáp, như sau: phía Nam giáp phần đất nhà ông Nguyễn Trọng S (chiều dài là 46,76m), phía Bắc giáp hộ bà Hà Thị T (chiều dài là 46,28m), phía Đông giáp với đường Hồ Chí Minh (chiều rộng là 7,62m), phía Tây giáp ao cá của hộ anh Đại Ngọc S (chiều rộng là 7,68m); thửa đất tại địa chỉ khu phố L, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

*** Về án phí:** Chị Hà Thị T và anh Đại Ngọc M đều có ý kiến chung cùng thống nhất: Anh, chị mỗi người phải chịu 1/2 tiền án phí DSST có giá ngạch tương ứng với giá trị tài sản của mình được nhận. Cụ thể như sau:

Chị Hà Thị T phải chịu số tiền 2.634.325 đồng (hai triệu sáu trăm ba tư nghìn ba trăm hai lăm đồng) tiền án phí DSST có giá ngạch nhưng hiện tại chị đã nộp 3.125.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai thu tiền số AA/2016/0001783, ngày 30/7/2018 nên chị T phải nhận lại 490.675 đồng (bốn trăm chín mươi nghìn sáu trăm bảy lăm đồng) tiền án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Anh Đại Ngọc M phải chịu số tiền 4.205.725 đồng (bốn triệu hai trăm linh năm nghìn bảy trăm hai lăm đồng) tiền án phí DSST có giá ngạch tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được T hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký và đóng dấu)

Ngô Công Tuấn